

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách năm 2026
của Thống kê tỉnh Đồng Tháp

TRƯỞNG THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục trưởng Cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí biên soạn niên giám thống kê và ấn phẩm kinh tế - xã hội từ dự toán chi thường xuyên ngân sách năm 2026 cho Thống kê tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2026 của Thống kê tỉnh Đồng Tháp (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Thống kê tỉnh Đồng Tháp tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Thống kê tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, P.TCHC.

TRƯỞNG THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Đơn vị: **THỐNG KÊ TỈNH ĐỒNG THÁP**

Chương: **560**

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số **13a** /QĐ-TKT ngày **13** /02/2026 của Thống kê tỉnh Đồng Tháp)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	248.619.000
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	248.619.000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Người lập biểu

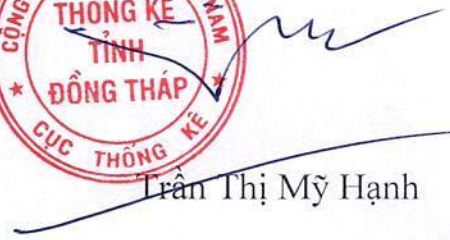


Phạm Thị Kim Hiếu

Ngày 13 tháng 02 năm 2026



Trưởng Thống kê



Trần Thị Mỹ Hạnh

